TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/DS-ST
Ngày: 04/5/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Duyên

Ông Võ Văn Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai trực tuyến sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 463/2023/TLST-DS ngày 07/3/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa:

- ***Nguyên đơn*****:** Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp H, xã Nh, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ông Trần Văn Đ có mặt tại điểm cầu thành phần là Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Trình Thị Tr, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp N, xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Bà Tr có mặt tại điểm cầu Trung tâm là Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn ông Trần Văn Đ trình bày:

Từ ngày 13/7/2021 đến ngày 22/01/2022, ông có bán thức ăn thủy sản cho bà Trình Thị Tr để nuôi cá với hình thức gối đầu, bán cá xong thì bà Tr phải trả

đủ cho ông. Tổng cộng bà Tr đã mua thức ăn thủy sản từ ông là 530.937.500 đồng. Sau đó bà Tr có thanh toán cho ông được 3 lần, lần 1 trả được 150.000.000 đồng vào ngày 13/02/2022, lần 2 trả 60.000.000 đồng vào ngày 20/4/2022, lần 3 trả 260.000.000 đồng vào ngày 30/8/2022. Tính đến ngày ông khởi kiện bà Tr còn nợ ông tổng cộng là 270.937.500 đồng và tiền lãi 12 tháng tính từ ngày 13/02/2022 đến ngày Tòa án giải quyết xong với lãi suất 1%/tháng là 32.512.500 đồng. Ngày 09/3/2023 bà Tr có trả cho ông được 80.000.000 đồng tiền gốc nên tính đến nay số tiền gốc bà Tr còn nợ ông là 190.937.500 đồng. Nay ông yêu cầu bà Trình Thị Tr tiếp tục trả tiền gốc cho ông còn nợ lại là 190.937.500 đồng và tiền lãi là 32.512.500 đồng.

* *Bị đơn bà Trình Thị Tr trình bày:* Bà thừa nhận bà có mua thức ăn nuôi cá của cửa hàng ông Trần Văn Đ từ khoảng tháng 7 năm 2021 đến đầu năm 2022 để nuôi cá. Khi mua hai bên thỏa thuận: ông Đ giao thức ăn nuôi cá cho bà và hẹn khi nào thu hoạch cá (thông thường là 7 tháng sẽ thu hoạch) thì bà sẽ thanh toán phần công nợ cho ông Đ. Khi ông Đ giao hàng thì có đưa có phiếu giao hàng, có ghi số tiền hàng cho bà cất giữ và hiện bà vẫn đang quản lý các phiếu giao hàng này. Quá trình bà mua thức ăn nuôi cá của cửa hàng ông Đ thì bà đã có thanh toán nợ cho ông Đ được một phần nhưng do việc nuôi cá thua lỗ và một phần cũng do dịch Covid nên bà không bán cá được, cá chết nhiều nên bà không có tiền để thanh toán nợ đúng hạn cho ông Đ được. Tính đến ngày ông Đ khởi kiện thì bà còn nợ ông Đ số tiền gốc là 270.937.500 đồng là đúng, ngày 09/3/2023 bà có trả tiền gốc cho ông Đ được 80.000.000 đồng nên tiền gốc còn nợ lại là 190.937.500 đồng. Nay bà đồng ý trả cho ông Đ số tiền vốn là 190.937.500 đồng và xin hẹn thời gian trả là vào ngày 25 tháng 7 năm 2023 âm lịch sẽ trả đủ một lần số tiền vốn còn nợ cho ông Đ. Đối với phần lãi là 32.512.500 đồng, ông Đ yêu cầu bà trả thì bà xin ông Đ không tính lãi cho bà vì điều kiện kinh tế của bà hiện nay quá khó khăn nên bà chỉ trả được phần tiền vốn cho ông Đ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Trần Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn còn nợ là 190.937.500 đồng. Đối với phần lãi là 32.512.500 đồng, ông Đ đồng ý giảm cho bà Tr số tiền 10.512.500 đồng, yêu cầu bà Tr phải trả phần lãi còn lại là 22.000.000 đồng. Bị đơn bà Trình Thị Tr đồng ý trả phần vốn còn nợ, nhưng xin ông Đ phần lãi, không đồng ý trả theo yêu cầu của ông Đ.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ do các bên cung cấp, chứng cứ do Tòa án thu thập. Trên cơ sở các lời khai và chứng cứ có trong hồ sơ; Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ các Điều: 357, 430, 434, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền góc là 190.937.500 đồng và phần lãi nguyên đơn đã giảm 1/3 còn lại là 22.000.000 đồng. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn ông Trần Văn Đ khởi kiện yêu cầu bà Trình Thị Tr trả tiền mua thức ăn thủy sản chưa thanh toán. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng mua bán" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tại ấp Nê Có, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Văn Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên Tòa án chấp nhận cho ông Đ được miễn nộp tiền tạm ứng án phí là đúng theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Nhưng do các đương sự không thỏa thuận được nên căn cứ Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn Đ yêu cầu bị đơn bà Trình Thị Tr thanh toán số tiền gốc nợ là 190.937.500 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Đ và bà Tr đều thống nhất thừa nhận giữa ông Trần Văn Đ và bà Trình Thị Tr có giao dịch mua bán thức ăn thủy sản và ông Trần Văn Đ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên bán hàng, ông

Đ đã giao hàng đầy đủ cho bên mua là bà Tr. Đồng thời, ông Đ và bà Tr cũng đều thống nhất số tiền gốc bà Tr còn nợ ông Đ chưa thanh toán là 190.937.500 đồng, bà Tr đồng ý trả số tiền gốc này cho ông Đ. Nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận đối với yêu cầu thanh toán tiền gốc của nguyên đơn ông Trần Văn Đ. Buộc bà Trình Thị Tr phải có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền mua thức ăn còn lại là 190.937.500 đồng.

[3.2] Đối với yêu cầu của ông Trần Văn Đ về việc yêu cầu bà Trình Thị Tr thanh toán tiền lãi chậm trả là 12 tháng kể từ ngày 13/02/2022 đến ngày Tòa án giải quyết xong của số tiền gốc 270.937.500 đồng với lãi suất là 1%/tháng bằng 32.512.500 đồng cũng như quan điểm của Viện kiểm sát là có một phần căn cứ chấp nhận. Đối với lời nại ra của bị đơn bà Trình Thị Trình bà không đồng ý thanh toán phần lãi 32.512.500 đồng cho ông Đ, bà xin ông Đ không tính lãi cho bà nhưng việc này không được ông Đ đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận. Bởi do bị đơn bà Trình Thị Tr là bên mua đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền như đã cam kết nên bà Tr phải trả lãi trên số tiền chậm trả và mức tính lãi 1%/tháng theo như yêu cầu của ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 357, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn ông Trần Văn Đ. Tại phiên tòa hôm nay ông Đ tự nguyện giảm cho bà Tr số tiền lãi là 10. 512.500 đồng, số tiền lãi còn lại là 22.000.000 đồng Hội đồng xét xử buộc bà Tr phải có nghĩa vụ trả cho ông Đ.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn bà Trình Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn ông Trần Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ các Điều: 357, 430, 434, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Đ.

Buộc bà Trình Thị Tr phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ cho ông Trần Văn Đ với số tiền gốc là 190.937.500 đồng và lãi chậm trả còn nợ là 22.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi bà Trình Thị Tr phải trả cho ông Trần Văn Đ là 212.937.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Bà Trình Thị Tr phải chịu số tiền 10.646.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Duyên **Võ Văn Phương** **Lê Văn Hùng**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu;

Lê Văn Hùng